

QUYẾT ĐỊNH

Công khai thông báo Về việc điều chỉnh, phân bổ dự toán ngân sách tỉnh năm 2025 của các đơn vị thuộc và đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Sở giáo dục và Đào Tạo

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG THPT HOÀNH BỒ

Căn cứ Thông tư số 32/2020/TT-BGDĐT ngày 15/09/2020 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành điều lệ trường trung học cơ sở, trường thung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học ;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Thông tư 90/2018/TT BTC ngày 28/9/2018 Sửa đổi một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ theo Thông tư số 09/2024/TT-BGG ĐT ngày 03 tháng 06 năm 2024 của Bộ Giáo dục và đào tạo ban hành Quy định về công khai trong hoạt động của các cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân;

Căn cứ Quyết định số 1319/QĐ – SGDDT ngày 06 tháng 11 năm 2025 của Sở Giáo dục và Đào Tạo Về việc điều chỉnh, phân bổ dự toán ngân sách tỉnh năm 2025 của các đơn vị thuộc và đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Sở giáo dục và Đào Tạo;

Xét đề nghị của tổ trưởng tổ Văn phòng .

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công khai thông báo Về việc điều chỉnh, phân bổ dự toán ngân sách tỉnh năm 2025 của các đơn vị thuộc và đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Sở giáo dục và Đào Tạo của Trường THPT Hoành Bồ.

(Chi tiết theo phụ lục đính kèm)

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực từ ngày ký. Địa điểm công khai bảng thông báo, trang website của nhà trường.

Điều 3. Các ông (bà) Ban lãnh đạo nhà trường, Tổ trưởng chuyên môn, tổ Văn phòng, giáo viên, nhân viên, các ông (bà) có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Sở GD & ĐT Quảng Ninh;
- Thông báo Website;
- Lưu :VT, KT.

HIỆU TRƯỞNG



TRƯỜNG
TRUNG HỌC
PHỔ THÔNG
HOÀNG SƠ
SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO TỈNH QUẢNG NINH

Nguyễn Thị Định

Số: 1319/QĐ-SGDĐT

Quảng Ninh, ngày 06 tháng 11 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

Về việc điều chỉnh, phân bổ dự toán ngân sách tỉnh năm 2025 của các đơn vị thuộc và đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo

GIÁM ĐỐC SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

Căn cứ Quyết định số 25/2025/QĐ-UBND ngày 8/02/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ninh ban hành Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Giáo dục và Đào tạo Quảng Ninh;

Căn cứ Quyết định số 3569/QĐ-UBND ngày 09/12/2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc giao dự toán thu ngân sách nhà nước, chi ngân sách địa phương năm 2025;

Căn cứ Quyết định số 1464/QĐ-UBND ngày 13/5/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ninh về việc điều chỉnh dự toán ngân sách nhà nước năm 2025 của các cơ quan, đơn vị do thành lập mới Sở Nông nghiệp và Môi trường; Sở Nội vụ; Sở Dân tộc và Tôn giáo; bổ sung nhiệm vụ phát sinh của Sở Y tế; Sở Giáo dục và Đào tạo;

Căn cứ Quyết định số 3236/QĐ-UBND ngày 15/8/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc giao bổ sung dự toán cho các cơ quan, đơn vị kinh phí thực hiện nhiệm vụ được giao;

Căn cứ Quyết định số 2311/QĐ-UBND ngày 28/6/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc điều chỉnh dự toán chi ngân sách địa phương, phân bổ dự toán chi ngân sách cấp tỉnh năm 2025;

Căn cứ Quyết định số 3943/QĐ-UBND ngày 18/10/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc điều chỉnh dự toán chi ngân sách địa phương, điều chỉnh phương án phân bổ dự toán chi ngân sách cấp tỉnh năm 2025;

Căn cứ Quyết định số 130/QĐ-SGDĐT ngày 09/01/2025 của Sở Giáo dục và Đào tạo về việc giao dự toán thu, chi ngân sách nhà nước năm 2025 cho các đơn vị sử dụng ngân sách thuộc và trực thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo;

Căn cứ Quyết định số 142/QĐ-SGDĐT ngày 18/4/2025 của Sở Giáo dục và Đào tạo về việc điều chỉnh và bổ sung dự toán kinh phí không tự chủ năm 2025 của các đơn vị thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo (Lần 2);

Căn cứ Quyết định số 253/QĐ-SGDĐT ngày 20/5/2025 của Sở Giáo dục và Đào tạo về việc phân bổ kinh phí cho cơ quan Sở Giáo dục và Đào tạo do bổ sung nhiệm vụ phát sinh được UBND tỉnh Quảng Ninh giao tại Quyết định số 25/2025/QĐ-UBND ngày 08/02/2025;

Căn cứ Quyết định số 757/QĐ-SGDĐT ngày 20/8/2025 của Sở Giáo dục và Đào tạo về giao bổ sung dự toán ngân sách nhà nước năm 2025 cho 13 Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp và giáo dục thường xuyên trực thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo;

Theo đề nghị của trưởng phòng Kế hoạch tài chính.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Điều chỉnh, phân bổ dự toán ngân sách tỉnh năm 2025 cho các đơn vị thuộc và đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo như sau:

1. Điều chỉnh kinh phí thực hiện tự chủ (kèm theo phụ lục số 01):

1.1 Điều chỉnh dự toán của các đơn vị sáp nhập:

a. Kinh phí cấp cho các đơn vị: **10.738.590.005** đồng, trong đó:

- Điều chỉnh dự toán kinh phí của 13 Trung tâm GDNN và GDTX (trước sáp nhập) cho Trung tâm GDNN và GDTX tỉnh Quảng Ninh (sau sáp nhập): 6.984.702.072 đồng;

- Điều chỉnh dự toán kinh phí của Trường THPT Lê Hồng Phong (trước sáp nhập) cho Trường THPT Cửa Ông (sau sáp nhập): 1.398.139.024 đồng;

- Điều chỉnh dự toán kinh phí của Trường PTDTNT THCS và THPT Tiên Yên (trước sáp nhập) cho Trường PTDTNT THCS và THPT tỉnh (sau sáp nhập): 2.355.748.909 đồng.

b. Kinh phí tiết kiệm 10% chi thường xuyên giữ lại ngân sách cấp tỉnh: **401.000.000** đồng, trong đó:

- Điều chỉnh dự toán kinh phí của Trường THPT Lê Hồng Phong (trước sáp nhập) cho Trường THPT Cửa Ông: 181.000.000 đồng;

- Điều chỉnh dự toán kinh phí của Trường PT DTNT THCS và THPT Tiên Yên (trước sáp nhập) cho Trường PT DTNT THCS và THPT tỉnh (sau sáp nhập): 220.000.000 đồng.

1.2 Điều chỉnh dự toán được giao tại Quyết định 3943/QĐ-UBND ngày 18/10/2025 của UBND tỉnh.

a. Kinh phí cấp cho các đơn vị: Giảm dự toán kinh phí của 10 đơn vị, tăng cho 13 đơn vị: **7.851.000.000** đồng.

b. Kinh phí tiết kiệm 10% chi thường xuyên giữ lại ngân sách cấp tỉnh: Giảm dự toán kinh phí của 18 đơn vị, tăng cho 11 đơn vị: **291.000.000** đồng;

1.3 Điều hoà giảm dự toán của 16 đơn vị: **14.248.000.000** đồng (chuyên cho các nhiệm vụ không tự chủ phát sinh: 13.975.000.000 đồng; tăng dự toán kinh phí tiết kiệm 10% chi thường xuyên giữ lại ngân sách cấp tỉnh của 9 đơn vị: 273.000.000 đồng).

2. Điều chỉnh kinh phí không thực hiện tự chủ (theo phụ lục số 02 và 03):

2.1 Giảm kinh phí chi hoạt động của cơ quan quản lý nhà nước (Chi hoạt động quản lý đào tạo giáo dục nghề nghiệp): **559.000.000 đồng**.

2.2 Điều chỉnh kinh phí chi sự nghiệp Giáo dục, đào tạo, dạy nghề của các đơn vị thực hiện sáp nhập: **19.362.773.170 đồng**

- Điều chỉnh dự toán kinh phí của 13 Trung tâm GDNN và GDTX (trước sáp nhập) cho Trung tâm GDNN và GDTX tỉnh Quảng Ninh (sau sáp nhập): 11.587.962.404 đồng;

- Điều chỉnh dự toán kinh phí của Trường THPT Lê Hồng Phong (trước sáp nhập) cho Trường THPT Cửa Ông (sau sáp nhập): 1.458.107.773 đồng;

- Điều chỉnh dự toán kinh phí của Trường PT DTNT THCS và THPT Tiên Yên (trước sáp nhập) cho Trường PTDTNT THCS và THPT tỉnh (sau sáp nhập): 6.316.702.993 đồng.

2.3. Giảm kinh phí chi sự nghiệp Giáo dục, đào tạo, dạy nghề cho của 38 đơn vị **14.686.592.000 đồng**, trong đó: (1) Cấp bù miễn giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập, hỗ trợ học phí, chế độ học sinh bán trú: 3.725.505.000 đồng; (2) Chế độ giáo viên dạy học sinh khuyết tật: 28.000.000 đồng; (3) Bổ sung 15% kinh phí hoạt động: 214.202.000 đồng; (4) Sửa chữa, bảo trì thường xuyên tài sản, cơ sở vật chất, mua sắm bổ sung, thay thế trang thiết bị phục vụ dạy và học cho trường, lớp học: 336.040.000 đồng; (5) Sửa chữa, bảo dưỡng tài sản công: 683.211.000 đồng; (6) Mua sắm thiết bị theo chương trình giáo dục phổ thông mới: 5.445.000.000 đồng; (7) Mua sắm bổ sung trang thiết bị: 216.000.000 đồng; (8) Quỹ tiền thưởng theo NĐ 73/2024/NĐ-CP: 33.000.000 đồng; (9) Hỗ trợ học phí học kỳ II năm học 2024-2025 theo NQ 42/2024/NQ-HĐND: 184.250.000 đồng; (10) Hội đồng coi thi chọn học sinh giỏi cấp tỉnh THPT năm 2025: 408.000.000 đồng; (11) Hỗ trợ cán bộ, công chức, viên chức, người lao động làm việc thường xuyên tại một số địa bàn thuộc tỉnh theo Nghị quyết số 25/2023/NQ-HĐND ngày 08/12/2023 của HĐND: 431.000.000 đồng; (12) Kinh phí thực hiện hợp đồng phục vụ theo Nghị định 111/2022/NĐ-CP: 1.959.000.000 đồng; (13) Dự phòng tăng lương định kỳ, đột xuất: 45.680.000 đồng; (14) Hội nghị tập huấn: 398.580.000 đồng; (15) Kinh phí mở các lớp học xóa mù chữ năm 2025: 579.124.000 đồng.

2.4. Tăng kinh phí chi sự nghiệp Giáo dục, đào tạo, dạy nghề cho của 38 đơn vị **29.220.592.000 đồng**, trong đó: (1) Cấp bù miễn giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập, hỗ trợ học phí, chế độ học sinh bán trú: 616.000.000 đồng; (2) Chế độ học sinh dân tộc nội trú, hỗ trợ nhà giáo theo VBHN số 27/VBHN-BGDĐT: 307.000.000 đồng; (3) Chế độ giáo viên dạy học sinh khuyết tật: 2.431.000.000 đồng; (4) Khen thưởng các kỳ thi: 1.067.250.000 đồng; (5) Hoạt động chuyên môn: 1.868.830.000 đồng; (6) Bổ sung 15% kinh phí hoạt động: 151.000.000 đồng; (7) Thực hiện Nghị quyết số 63/2021/NQ-HĐND ngày 09/12/2021: 835.000.000 đồng; (8) Mua sắm thiết bị theo chương trình giáo dục phổ thông mới: 2.541.000.000 đồng; (9) Mua sắm bổ sung trang thiết bị: 295.000.000 đồng; (10) Quỹ tiền thưởng theo NĐ 73/2024/NĐ-CP: 299.000.000 đồng; (11)

Hội đồng coi thi chọn học sinh giỏi cấp tỉnh THPT năm 2025: 404.000.000 đồng; (12) Hỗ trợ cán bộ, công chức, viên chức, người lao động làm việc thường xuyên tại một số địa bàn thuộc tỉnh theo Nghị quyết số 25/2023/NQ-HĐND ngày 08/12/2023 của HĐND: 85.000.000 đồng; (13) Kinh phí thực hiện hợp đồng lao động theo Nghị định 111/2022/NĐ-CP: 40.000.000 đồng; (14) Kinh phí chi trả dạy thêm giờ cho giáo viên ôn thi tuyển sinh THPT năm học 2025-2026, dạy ôn thi tốt nghiệp THPT năm 2025: 494.872.000 đồng (15) Tổ chức kỳ thi tốt nghiệp THPT: 308.640.000 đồng; (16) Hỗ trợ học phí học kỳ I năm học 2025-2026: 17.447.000.000 đồng; Nâng cấp đường điện ngoài nhà: 30.000.000 đồng.

2.5. Phân bổ dự toán kinh phí Cấp bù tiền miễn học phí học kỳ I năm học 2025-2026 cho trường THPT Bạch Đằng và trường THPT Bãi Cháy: 1.230.000.000 đồng.

3. Tổng dự toán ngân sách giao sau khi điều chỉnh: **820.544.795.000** đồng, bao gồm (kèm theo phụ lục số 04):

- Kinh phí giao tự chủ: 520.365.823.000 đồng,

Trong đó: Tiết kiệm 10% tạo nguồn CCTL: 10.784.000.000 đồng.

- Kinh phí không giao tự chủ: 300.178.963.000 đồng.

Điều 2. Sở Giáo dục và Đào tạo giao:

Căn cứ dự toán điều chỉnh, phân bổ ngân sách năm 2025 được giao, các đơn vị sử dụng NSNN chịu trách nhiệm toàn diện trước pháp luật trong quản lý và sử dụng nguồn kinh phí được giao đảm bảo đúng chế độ, chính sách quy định và tổ chức thanh quyết toán kinh phí theo quy định hiện hành, tuyệt đối không để thất thoát ngân sách nhà nước. Trường hợp nhiệm vụ chỉ đã được giao dự toán cho các đơn vị nhưng chưa có chủ trương của cấp có thẩm quyền, đơn vị chỉ được thực hiện dự toán khi được cấp có thẩm quyền giao nhiệm vụ.

Điều 3. Trường phòng Kế hoạch Tài chính, Thủ trưởng các đơn vị tại Điều 1 và các đơn vị, cá nhân có liên quan căn cứ quyết định thi hành./.

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- Sở Tài chính;
- KBNN khu vực III;
- Đơn vị sử dụng ngân sách;
- Lưu: VT, KHTC .

Ký bởi: Lê Thị Phương

Ký bởi: Chu Việt Phương

Ký bởi: Nguyễn Thị Hồng Ninh

GIÁM ĐỐC



Nguyễn Thị Thúy

STT	Tên đơn vị	Giao bổ sung dự toán (Cấp bù tiền miễn học phí học kỳ I năm học 2025-2026)	Kinh phí điều chỉnh tăng	Trong đó																
				Cấp bù miễn giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập, hỗ trợ học phí, chế độ học sinh bán trú	Chế độ học sinh dân tộc nội trú, hỗ trợ nhà giáo theo VBHN số 27/VBHN-BGDDT	Chế độ giáo viên dạy học sinh khuyết tật	Khen thưởng các kỳ thi	Hoạt động chuyên môn	Bổ sung 15% kinh phí hoạt động	Thực hiện 63/2021/NQ-HĐND ngày 09/12/2021	Mua sắm thiết bị theo chương trình giáo dục phổ thông mới	Mua sắm bổ sung trang thiết bị	Quỹ tiền thưởng theo ND 73/2024/ND-CP	Hội đồng coi thi chọn học sinh giỏi cấp tỉnh THPT năm 2025	Hỗ trợ cán bộ, viên chức, người lao động theo Nghị quyết số 25/2023/NQ-HĐND	Kinh phí thực hiện hợp đồng phục vụ theo Nghị định 111/2022/ND-CP	Kinh phí chi trả dạy thêm giờ cho giáo viên ôn thi tuyển sinh THPT, tốt nghiệp THPT	Tổ chức kỳ thi tốt nghiệp THPT	Cấp bù tiền miễn học phí học kỳ I năm học 2025-2026	Nâng cấp đường điện ngoài nhà
		60	61=62+...78	62	63	64	65	66	67	68	69	70	71	72	73	74	75	76	77	78
	Tổng cộng	1.230	29.220,592	616,000	307	2.431	1.067,25	1.868,83	151	835	2.541	295	299	404	85	40	494,872	308,64	17.447	30
1	Trường THPT Bạch Đằng	630	57			57														
2	Trường THPT Bãi Cháy	600	237			45							50						142	
3	Trường THPT Cẩm Phả		1.085			183								66					836	
4	Trường THPT Cửa Ông		1.064			390													674	
5	Trường THPT Đông Thành		449															29	420	
6	Trường THPT Đông Triều		730										102						628	
7	Trường THPT Hoàng Hoa Thám		560			110													450	
8	Trường THPT Hoàng Quốc Việt		838			144								110					584	
9	Trường THPT Hoàng Văn Thụ		464			30							32						402	
10	Trường THPT Hoành Bồ		624	14					26										584	
11	Trường THPT Hòn Gai		1.301			300								98					903	
12	Trường THPT Lê Chân		198																198	
13	Trường THPT Lê Hồng Phong		0																	
14	Trường THPT Lê Quý Đôn		455			49													406	
15	Trường THPT Lý Thường Kiệt		135																135	
16	Trường THPT Minh Hà		659			120						295							244	
17	Trường THPT Mông Dương		429	81		12													336	

18	Trường THPT Ngô Quyền		850			289							22					539	
19	Trường PT DTNT THCS và THPT Tỉnh		574		307													267	
20	Trường THPT Chuyên Hạ Long		1.487						835									652	
21	Trường THPT Trần Phú		772			31												741	
22	Trường THPT Uông Bí		1.237			208							33				206	790	
23	Trường THPT Vũ Văn Hiếu		406															406	
24	Trung tâm HN & GDTX Tỉnh		9.128,512	55		68				2.541		115		85		494,872	56,64	5.683	30
25	Trường THPT Đầm Hà		112			26												86	
26	Trường THCS & THPT Đường Hoa Cương		127			4												123	
27	Trường THCS & THPT Hải Đông		62															62	
28	Trường THPT Quảng Hà		371	35		45							75					216	
29	Trường THPT Tiên Yên		402	118		39			15									230	
30	Trường PT DTNT THCS & THPT Tiên Yên		0																
31	Trường THPT Ba Chẽ		218			43			23									152	
32	Trường THPT Bình Liêu		329	250					22									57	
33	Trường THPT Cô Tô		77	8		10			5									54	
34	Trường THCS & THPT Hoành Mô		128			58											17	53	
35	Trường THCS & THPT Quan Lạn		114			30												84	
36	Trường THCS & THPT Quảng La		242	55		140												47	
37	Trường THPT Hải Đảo		323						60									263	
38	Cơ quan Sở Giáo dục và Đào tạo		2.976,080				1.067,25	1.868,83							40				

ST T	Tên đơn vị	Kinh phí điều chỉnh giảm	Trong đó														
			Cấp bù miễn giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập, hỗ trợ học phí, chế độ học sinh bán trú	Chế độ giáo viên dạy học sinh khuyết tật	Bổ sung 15% kinh phí hoạt động)	Sửa chữa, bảo trì TX tài sản, CSVC, mua sắm bổ sung, thay thế TB bị phục vụ dạy và học cho trường, lớp học	Sửa chữa , bảo đường tài sản công	Mua sắm thiết bị theo chương trình giáo dục phổ thông mới	Mua sắm bổ sung trang thiết bị	Quy tên thường theo ND 73/2024/ ND-CP	Hỗ trợ học phí học kỳ II năm học 2024- 2025 theo NQ 42/2024/ NQ- HĐND	Hội đồng coi thi chọn học sinh giỏi cấp tỉnh THPT năm 2025	Hỗ trợ cán bộ, , viên chức, người lao động theo Nghị quyết số 25/2023/ NQ- HĐND	Kinh phí thực hiện hợp đồng phục vụ theo Nghị định 111/20 22/NĐ- CP	Dự phòng tăng lương định kỳ, đột xuất (90%)	hội nghị tập huấn	Kinh phí mở các lớp học xóa mù chữ năm 2025
		79=80+...94	80	81	82	83	84	85	86	87	88	89	90	91	92	93	94
	Tổng cộng	-14.686,592	-3.725,505	-28	-214,202	-336,04	-683,211	-5.445	-216	-33	-184,25	-408	-431	-1.959	-45,68	-398,58	-579,124
1	Trường THPT Bạch Đằng																
2	Trường THPT Bãi Cháy	-631	-22					-609									
3	Trường THPT Cẩm Phả	-77	-50		-13			-14									
4	Trường THPT Cửa Ông	-374	-93					-281									
5	Trường THPT Đông Thành	-244					-155					-89					
6	Trường THPT Đông Triều	-114	-24			-90											
7	Trường THPT Hoàng Hoa Thám	-167	-24				-67					-76					
8	Trường THPT Hoàng Quốc Việt	-15	-15														
9	Trường THPT Hoàng Văn Thụ	-307	-20					-287									
10	Trường THPT Hoành Bồ	-151				-115	-36										
11	Trường THPT Hòn Gai	-1.438	-27					-1.411									
12	Trường THPT Lê Chân	-14	-14														
13	Trường THPT Lê Hồng Phong	0															
14	Trường THPT Lê Quý Đôn	-646	-200			-30	-248	-168									
15	Trường THPT Lý Thường Kiệt	-246	-20		-23	-40		-163									
16	Trường THPT Minh Hà	-16					-16										
17	Trường THPT Mông Dương	-81	-30			-12	-39										
18	Trường THPT Ngô Quyền	-87	-39			-48											

19	Trường PT DTNT THCS và THPT Tỉnh	-2.317					-52	-90	-216					-1.959			
20	Trường THPT Chuyên Hạ Long	-115	-20		-4							-91					
21	Trường THPT Trần Phú	-489	-18					-418				-53					
22	Trường THPT Uông Bí	-40	-40														
23	Trường THPT Vũ Văn Hiếu																
24	Trung tâm HN & GDTX Tỉnh	-1.369			-174,202	-1,04	-70,211				-100			-45,68	-398,58	-579,124	
25	Trường THPT Đầm Hà	-203	-136					-34		-33							
26	Trường THCS & THPT Đường Hoa Cương	-456	-232					-224									
27	Trường THCS & THPT Hải Đông	-47	-38	-9													
28	Trường THPT Quảng Hà	-477	-3					-474									
29	Trường THPT Tiên Yên	-294						-246				-48					
30	Trường PT DTNT THCS & THPT Tiên Yên																
31	Trường THPT Ba Chẽ	-30	-30														
32	Trường THPT Bình Liêu	-131		-19				-112									
33	Trường THPT Cô Tô	-318						-83				-235					
34	Trường THCS & THPT Hoành Mô	-656						-545				-111					
35	Trường THCS & THPT Quan Lạn	-403	-215					-103				-85					
36	Trường THCS & THPT Quảng La	-183						-183									
37	Trường THPT Hải Đảo	-49	2									-51					
38	Cơ quan Sở Giáo dục và Đào tạo	-2.501,745	-2.417,505								-84,250						

STT	Tên đơn vị	Dự toán kinh phí sau điều hoà	Trong đó												
			Cấp bù miễn giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập, hỗ trợ học phí, chế độ học sinh bán trú	Chế độ học sinh dân tộc nội trú, hỗ trợ nhà giáo theo VBHN số 27/VBHN-BGDDT	Chế độ giáo viên dạy học sinh khuyết tật	Khen thưởng các kỳ thi	Khen thưởng toàn ngành	Hoạt động chuyên môn	Chính sách thu hút sinh viên tốt nghiệp xuất sắc, cán bộ khoa học trẻ	Bổ sung 15% kinh phí hoạt động	Thực hiện 63/2021/NQ-HDND ngày 09/12/2021	Sửa chữa, bảo trì TX tài sản, CSVC, mua sắm bổ sung, thay thế TB bị phục vụ dạy và học cho trường, lớp học	Sửa chữa, bảo dưỡng tài sản công	Mua sắm thiết bị theo chương trình giáo dục phổ thông mới	Mua sắm bổ sung trang thiết bị
		95=96+...124	96	97	98	99	100	101	102	103	104	105	106	107	108
	Tổng cộng	298.021,962	37.229,65	24.643	12.504,118	9.071,25	4.012,000	25.421,552	66	8.489,348	13.237	5.259,165	29.989	29.720,92	1.263
1	Trường THPT Bạch Đằng	4.596	26		482					244				1.218	
2	Trường THPT Bãi Cháy	8.184	39		635					277		250	3.141	720	53
3	Trường THPT Cẩm Phả	5.452	50		983					291				385	
4	Trường THPT Cửa Ông	8.782,107773	730,5		635,129445					215,057		298	3.340	708	
5	Trường THPT Đông Thành	4.068	23		453					175		250	939	201	
6	Trường THPT Đông Triều	4.484	23		550					244		160		829	
7	Trường THPT Hoàng Hoa Thám	3.851	11		255					184		250	660	578	
8	Trường THPT Hoàng Quốc Việt	5.379	20		526					231		250		1.517	
9	Trường THPT Hoàng Văn Thụ	2.389	10		236					172				66	
10	Trường THPT Hoành Bồ	4.503	435		280					231		135	1.084	265	
11	Trường THPT Hòn Gai	7.773	66		1.201					360		250		1.561	
12	Trường THPT Lê Chân	2.703	19		274					201			97	497	
13	Trường THPT Lê Hồng Phong	1.009,892227	10,5		136,87056					82,943		192			
14	Trường THPT Lê Quý Đôn	4.257	675		346					175		200	499	635	
15	Trường THPT Lý Thường Kiệt	2.162	17		152					153		50		508	
16	Trường THPT Minh Hà	4.380	30		320					277		250	641	696	295

17	Trường THPT Mông Dương	4.261	1.089		228					149		112	549	497	
18	Trường THPT Ngô Quyền	5.554	47		865					208		202		1.836	
19	Trường PT DTNT THCS và THPT Tỉnh	20.501,702993	266	17.252,997402						214,909261		250	0,63	556	
20	Trường THPT Chuyên Hạ Long	29.714								435	13.237	250	9.715	1.834	
21	Trường THPT Trần Phú	4.573	1.097		400					274				70	
22	Trường THPT Uông Bí	4.859	38		660					274				485	
23	Trường THPT Vũ Văn Hiếu	3.234	39		178					172		250		739	
24	Trung tâm HN & GDTX Tỉnh	21.135,6374	4.377,877		78,118					313,347974		311,165	499	5.831,92048	
25	Trường THPT Đàm Hà	2.416	301		190					279				200	
26	Trường THCS & THPT Đường Hoa Cương	3.329	1.296		114					183		176		370	
27	Trường THCS & THPT Hải Đông	2.597	338		268					266		173		362	
28	Trường THPT Quảng Hà	3.672	407		140					257				1.114	
29	Trường THPT Tiên Yên	5.419	1.710		499					308				750	
30	Trường PT DTNT THCS & THPT Tiên Yên	9.930,297007		7.390,002598						123,090739			1.578,37		677,7083
31	Trường THPT Ba Chẽ	4.802	2.821		122					225				423	
32	Trường THPT Bình Liêu	4.199	1.456		185					211		250		1.010	
33	Trường THPT Cô Tô	6.100	330		48					131			3.524	254	
34	Trường THCS & THPT Hoành Mô	6.919	3.093		371					252		250		712	
35	Trường THCS & THPT Quan Lạn	7.400	761		118					185			3.722	140	
36	Trường THCS & THPT Quảng La	2.970	313		285					212		250		657	237
37	Trường THPT Hải Đảo	5.847	1.426		290					304		250		1.496	
38	Cơ quan Sở Giáo dục và Đào tạo	64.616,325	13.838,773			9.071	4.012	25.422	66						

STT	Tên đơn vị	Trong đó															
		Quỹ tiền thường theo ND 73/2024/NĐ-CP	Hỗ trợ học phí học kỳ II năm học 2024-2025 theo NQ 42/2024/NQ-HĐND	Hội đồng coi thi chọn học sinh giỏi cấp tỉnh THPT năm 2025	Hỗ trợ cán bộ, viên chức, người lao động theo Nghị quyết số 25/2023/NQ-HĐND	Kinh phí thực hiện hợp đồng phục vụ theo Nghị định 111/2022/NĐ-CP	Kinh phí thực hiện hợp đồng chuyên môn nghiệp vụ động theo Nghị định 111/2022/NĐ-CP	Kinh phí chi trả dạy thêm giờ cho giáo viên ôn thi tuyển sinh THPT, tốt nghiệp THPT	Tiền thuê giáo viên thỉnh giảng	Tiền thuê bảo vệ	Kinh phí cấp chứng nhận quyền sử dụng đất	Chi thi tốt nghiệp Trung học phổ thông	Kinh phí Phòng cháy, chữa cháy	Kinh phí mở các lớp học xóa mù chữ năm 2025	Tổ chức kỳ thi tốt nghiệp THPT	Cấp bù tiền miễn học phí học kỳ I năm học 2025-2026	Nâng cấp đường điện ngoài nhà
		109	110	111	112	113	114	115	116	117	118	119	120	121	122	123	124
	Tổng cộng	23.765,691	26.978,75	623	4.082	529	11.533,496	9.450,881	832,981	48,351273	43	62,168677	11	140	308,64	18.677	3
1	Trường THPT Bạch Đằng	716	774				203	303								630	
2	Trường THPT Bãi Cháy	880	897				338	212								742	
3	Trường THPT Cẩm Phá	918	1.013	117			406	453								836	
4	Trường THPT Cửa Ông	790,49	400,5				794	195,957928								674	
5	Trường THPT Đông Thành	549	514				203	312							29	420	
6	Trường THPT Đông Triều	807	777				203	263								628	
7	Trường THPT Hoàng Hoa Thám	510	554				203	196								450	
8	Trường THPT Hoàng Quốc Việt	658	729	110			270	484								584	
9	Trường THPT Hoàng Văn Thụ	470	493				406	134								402	
10	Trường THPT Hoàn Kiếm	585	659					245								584	
11	Trường THPT Hòn Gai	1.055	1.128	98			473	678								903	
12	Trường THPT Lê Chân	575	246				406	190								198	
13	Trường THPT Lê Hồng Phong	3,51	417,5				84,5266	82,042072									
14	Trường THPT Lê Quý Đôn	512	501				203	105								406	
15	Trường THPT Lý Thường Kiệt	370	164				406	207								135	
16	Trường THPT Minh Hà	709	296				203	419								244	
17	Trường THPT Mông Dương	403	405				338	155								336	

18	Trường THPT Ngô Quyền	576	635	98			338	210								539	
19	Trường PT DTNT THCS và THPT Tỉnh	921	246,45			130	396,42463									267	
20	Trường THPT Chuyên Hạ Long	1.329	840				947	475								652	
21	Trường THPT Trần Phú	813	918					260								741	
22	Trường THPT Ưông Bí	827	946	125				508							206	790	
23	Trường THPT Vũ Văn Hiếu	480	498				270	202								406	
24	Trung tâm HN & GDTX Tỉnh	1.757,691	91		85		38	844,881000	832,981	48,351273	43	62,168677	11	140	56,64	5.683	3
25	Trường THPT Đầm Hà	579	100				406	275								86	
26	Trường THCS & THPT Đường Hoa Cương	426	149				338	154								123	
27	Trường THCS & THPT Hải Đông	438	77				473	140								62	
28	Trường THPT Quảng Hà	581	268	75			338	276								216	
29	Trường THPT Tiên Yên	760	267				541	354								230	
30	Trường PT DTNT THCS & THPT Tiên Yên	0	84,55				76,57537									0	
31	Trường THPT Ba Chẽ	407	66				338	248								152	
32	Trường THPT Bình Liêu	410	57				406	157								57	
33	Trường THPT Cô Tô	273	60		1.145		203	78								54	
34	Trường THCS & THPT Hoành Mô	486	60		1.257		270	98							17	53	
35	Trường THCS & THPT Quan Lạn	353	96		1.595		270	76								84	
36	Trường THCS & THPT Quảng La	432	57				338	142								47	
37	Trường THPT Hải Đảo	787	306				406	319								263	
38	Cơ quan Sở Giáo dục và Đào tạo	619	11.189			399											

**PHỤ LỤC SỐ 03: ĐIỀU CHỈNH GIẢM DỰ TOÁN KINH PHÍ NĂM 2025
CỦA 13 TRUNG TÂM GDNN VÀ GDTX TRỰC THUỘC SỞ**

Dự toán giao tại Quyết định số 3326/QĐ-UBND ngày 15/8/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh

Đơn vị tính: Triệu đồng

ST T	Tên đơn vị	Dự toán đã phân bố theo quyết định số 757/QĐ- SGDDT ngày 20/8/2025	Tự chủ	Không tự chủ	Trong đó																		
					Kinh phí hoạt động chung (15% chỉ khác)	Hỗ trợ tiền ăn bàn trú cho học sinh theo NQ 22/2023 và NQ 204/201 9	Hỗ trợ học phí học kỳ II năm học 2024- 2025 theo NQ 42/2024 /NQ- HDND	Mua sắm thiết bị	Thường theo ND 73/2024 / NB-CP	Tiền thuê giáo viên thành giảng	Tiền thuê bảo vệ	Miễn giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập	Chế độ giáo viên đầy khuyết t t t	Kinh phí cấp chứng nhận quyền sử dụng đất	Cải tạo, sửa chữa	Dự phòng tăng lương định kỳ, đợt xuất (90%)	Kinh phí sửa chữa thường xuyên, bổ sung thiết bị trường lớp học	Chi thi tốt nghie p Trung học phổ thông	Kinh phí dạy ôn thi tốt nghiep trung học phổ thông năm 2025	hội nghị tập huấn	Kinh phí hợp đồng ND 111	Kinh phí Phòng cháy, chữa cháy	Kinh phí mở các lớp học xóa mù chữ năm 2025
				<i>l=2+.. 16</i>	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20
	Tổng cộng	30.112,795	17.706,832	12.405,963	541,549	4.141,514	100	2.740,547	1.328,691	925,381	93,193	157,363	10,118	43	569,211	45,680	73,165	267,749	124,609	398,580	73,489	11	761,124
1	Trung tâm GDNN-GDTX Văn Đồn	1.625,466	1.163,494	461,972	75	129,972	100	44	113														
2	Trung tâm GDNN-GDTX Đông Triều	3.428,823	2.579,555	849,268				329,637	262,67			28,75			70,211			50	108				
3	Trung tâm GDNN-GDTX Quảng yên	3.035,203	2.014,557	1.020,646				151,925	167			93,062	9,659		499			100					
4	Trung tâm GDNN-GDTX Cẩm Hà	1.589,789	1.059,02	530,769	57,953			45	104,626	276,87	46,32												
5	Trung tâm GDNN-GDTX Hoành Bồ	1.437,071	1.174,949	262,122		85,088		38,034	119									20					
6	Trung tâm GDNN-GDTX Tiên Yên	4.493,044	1.502	2.991,044		1.783,284		1.109,253				19		43			0,026	36	0,481				
7	Trung tâm GDNN-GDTX Cẩm Phả	1.476,501	1.293,042	183,459	16				156				0,459									11	
8	Trung tâm GDNN-GDTX Bình Liêu	2.355,019	1.042,604	1.312,415		383,088			92,664	47,951		0,75					60	7,749			35,089		685,124
9	Trung tâm GDNN-GDTX Ba Chẽ	1.950,433	845,078	1.105,355	34,2	446,472		12	75,731	79,4	46,873						12,099			398,58			
10	Trung tâm GDNN-GDTX Móng cái	1.743,175	1.360,899	382,276	9,526	122,55			192			4,2						54					
11	Trung tâm GDNN-GDTX Uông Bí	3.187,845	1.969,926	1.217,919	72,9			1.010,698				11,601				45,680	1,04						76
12	Trung tâm GDNN-GDTX Quảng Hà	2.839,756	1.038,708	1.8018	34,3	1.191,06				521,16									16,128		38,4		
13	Trung tâm GDNN-GDTX Cô Tô	950,67	663	287,67	241,67				46														

STT	Tên đơn vị	Kinh phí đã sử dụng từ 01/7/2025 đến ngày bàn giao (Có đối chiếu KB)	Tự chủ	Không tự chủ	Trong đó								
					Kinh phí hoạt động chung (15% chi khác)	Mua sắm thiết bị	Tiền thuê giáo viên thỉnh giảng	Tiền thuê bảo vệ	Kinh phí sửa chữa thường xuyên, bổ sung thiết bị trường lớp học	Chi thi tốt nghiệp Trung học phổ thông	Kinh phí dạy ôn thi tốt nghiệp trung học phổ thông năm 2025	Kinh phí hợp đồng ND 111	Kinh phí mở các lớp học xóa mù chữ năm 2025
		21	22	23=24+...46	25	26	27	28	29	30	31	32	33
	Tổng cộng	11.540,130524	10.722,129928	818,000596	209,999026	101,62652	92,4	44,841727	10,96	205,580323	75,6	34,993	42
1	Trung tâm GDNN-GDTX Văn Đồn	761,853199	728,450722	33,402477	33,402477								
2	Trung tâm GDNN-GDTX Đông Triều	1.633,342835	1.507,742835	125,6						50	75,6		
3	Trung tâm GDNN-GDTX Quảng yên	1.243,797352	1.131,530987	112,266365		56,62652				55,639845			
4	Trung tâm GDNN-GDTX Đầm Hà	861,319635	656,661435	204,6582	44,0982	45	92,4	23,16					
5	Trung tâm GDNN-GDTX Hoành Bồ	738,446695	726,174495	12,2722						12,2722			
6	Trung tâm GDNN-GDTX Tiên Yên	900,230730	873,400352	26,830378						26,830378			
7	Trung tâm GDNN-GDTX Cẩm Phả	761,314973	746,314973	15	15								
8	Trung tâm GDNN-GDTX Bình Liêu	681,284349	614,767349	66,517						7,749		16,768	42
9	Trung tâm GDNN-GDTX Ba Chẽ	646,944472	606,302745	40,641727	8			21,681727	10,96				
10	Trung tâm GDNN-GDTX Móng cái	1.203,664019	1.150,575119	53,0889						53,0889			
11	Trung tâm GDNN-GDTX Uông Bí	1.157,083096	1.096,385247	60,697849	60,697849								
12	Trung tâm GDNN-GDTX Quảng Hà	561,97	513,1745	48,7955	30,5705							18,225	
13	Trung tâm GDNN-GDTX Cô Tô	388,879169	370,649169	18,23	18,23								

PHỤ LỤC SỐ 01: ĐIỀU CHỈNH KINH PHÍ TỰ CHỦ NĂM 2025 GIAO CHO CÁC ĐƠN VỊ TRỰC THUỘC SỞ

Đơn vị tính: triệu đồng

TT	Tên đơn vị	Dự toán đã phân bổ (theo các QĐ số QĐ 130/QĐ-SGDĐT ngày 09/01/2025, số 253/QĐ-SGDĐT ngày 20/5/2025, số 757/QĐ-SGDĐT ngày 20/8/2025)	Trong đó		Điều chỉnh dự toán kinh phí cấp cho các đơn vị				Điều chỉnh kinh phí tiết kiệm 10% chi thường xuyên giữ lại ngân sách cấp tỉnh				Điều chỉnh giảm Dự toán kinh phí cấp cho các đơn vị	Bổ sung kinh phí Tiết kiệm 10% chi thường xuyên giữ lại ngân sách cấp tỉnh	Dự toán kinh phí sau điều hoà	Trong đó	
			Dự toán kinh phí cấp cho các đơn vị	Tiết kiệm 10% chi thường xuyên giữ lại ngân sách cấp tỉnh	Giảm		Tăng		Giảm		Tăng					Dự toán kinh phí cấp cho các đơn vị	Tiết kiệm 10% chi thường xuyên giữ lại ngân sách cấp tỉnh
					Điều chỉnh do sáp nhập	Điều chỉnh theo QĐ được giao	Điều chỉnh do sáp nhập	Điều chỉnh theo QĐ được giao	Điều chỉnh do sáp nhập	Điều chỉnh theo QĐ được giao							
1	2	3=4+5	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16=17+18	17=4+6+7+8+9+14	18=5+1+11+12+13+15
	Tổng cộng	534.340,832	523.829,832	10.511	-10.738,590005	-7.851	10.738,590005	7.851	-401	-291	401	291	-14.248	273	520.365,832	509.581,832	10.78
I	Sở Giáo dục và Đào tạo	15.370	14.942	428											15.370	14.942	42
II	Các Trường THPT	501.264	491.181	10.083	-3.753,887933	-7.851	10.738,590005	7.851	-401	-291	401	291	-14.248	273	494.273,702072	483.917,702072	10.35
1	Trường THPT Hoành Bồ	13.101	12.839	262				601					0	37	13.739	13.440	299
2	Trường THPT Trần Phú	18.505	18.135	370				143					0	36	18.684	18.278	40
3	Trường THPT Uông Bí	18.544	18.173	371				710					0	49	19.303	18.883	42
4	Trung tâm HN&GDTX tỉnh	6.767	6.632	135			6.984,702072	605					0	57	14.413,702072	14.221,702072	19
5	Trường THPT Bạch Đằng	15.889	15.571	318				885					0	46	16.820	16.456	36
6	Trường THPT Bãi Cháy	18.641	18.268	373									-516	22	18.147	17.752	39
7	Trường THPT Cẩm Phả	21.108	20.686	422									-974	17	20.151	19.712	43
8	Trường THPT Cửa Ông	8.726	8.551	175			1.398,139024	740			181		-1.471	0	9.574,139024	9.218,139024	35
9	Trường THPT Đông Thành	12.608	12.356	252				157				16		6	12.787	12.513	27
10	Trường THPT Đông Triều	15.515	15.205	310				898				47		0	16.460	16.103	35
11	Trường THPT Hoàng Hoa Thám	11.436	11.207	229				544				31		0	12.011	11.751	26
12	Trường THPT Hoàng Quốc Việt	15.105	14.803	302				565				38		0	15.708	15.368	34
13	Trường THPT Hoàng Văn Thụ	10.430	10.221	209								10	-210	3	10.233	10.011	22

14	Trường THPT Hòn Gai	23.688	23.214	474				1.139				64		0	24.891	24.353	53
15	Trường THPT Lê Chân	12.824	12.568	256						-9		-921	0		11.894	11.647	24
16	Trường THPT Lê Hồng Phong	9.075	8.893	182	-1.398,139024	-740			-181	-1		0	0		6.754,860976	6.754,860976	
17	Trường THPT Lê Quý Đôn	11.876	11.638	238				215				22	0		12.113	11.853	26
18	Trường THPT Lý Thường Kiệt	8.444	8.275	169						-11		-833	0		7.600	7.442	15
19	Trường THPT Minh Hà	15.418	15.110	308				649				24	0		16.091	15.759	33
20	Trường THPT Mông Dương	8.109	7.945	164								3	-511	0	7.601	7.434	16
21	Trường THPT Ngô Quyền	12.671	12.418	253								21	-162	0	12.530	12.256	27
22	Trường PT DTNT tỉnh	13.589	13.317	272			2.355,748909			-6	220	-731	0		15.427,748909	14.941,748909	48
23	Trường THPT Chuyên Hạ Long	36.268	35.543	725						-52		-4.025	0		32.191	31.518	67
24	Trường THPT Vũ Văn Hiếu	10.545	10.334	211								15	-147	0	10.413	10.187	22
25	Trường THPT Đàm Hà	14.395	14.093	302						-31		-1.018	0		13.346	13.075	27
26	Trường THCS&THPT Đường Hoa Cương	9.664	9.471	193						-8		-673	0		8.983	8.798	18
27	Trường THCS-THPT Hải Đông	9.903	9.695	208						-29		-1.053	0		8.821	8.642	17
28	Trường THPT Quảng Hà	13.103	12.841	262						-4		-687	0		12.412	12.154	25
29	Trường THCS và THPT Tiên Yên	16.939	16.600	339		-1.641				-30		-316	0		14.952	14.643	30
30	Trường PT DTNT THCS&THPT Tiên Yên	11.341	11.114	227	-2.355,748909	-501			-220	-7		0	0		8.257,251091	8.257,251091	
31	Trường THPT Ba Chẽ	9.908	9.700	208		-640				-17		0	0		9.251	9.060	19
32	Trường THPT Bình Liêu	9.977	9.767	210		-517				-19		0	0		9.441	9.250	19
33	Trường THPT Cô Tô	7.708	7.554	154		-263				-3		0	0		7.442	7.291	15
34	Trường THCS&THPT Hoành Mô	11.783	11.547	236		-815				-15		0	0		10.953	10.732	22
35	Trường THCS-THPT Quan Lạn	9.779	9.583	196		-514				-7		0	0		9.258	9.069	18
36	Trường THCS-THPT Quảng La	9.939	9.730	209		-876				-26		0	0		9.037	8.854	18
37	Trường THPT Hải Đảo	17.943	17.584	359		-1.344				-16		0	0		16.583	16.240	34

**PHỤ LỤC SỐ 02: ĐIỀU CHỈNH KINH PHÍ KHÔNG TỰ CHỦ NĂM 2025
CỦA CÁC ĐƠN VỊ SỰ NGHIỆP CÔNG LẬP TRỰC THUỘC VÀ SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO**

Dự toán giao tại Quyết định số 3569/QĐ-UBND ngày 09/12/2024 và Quyết định số 1464/QĐ-UBND ngày 13/5/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh (Đã được điều chỉnh tại Quyết định số 2311/QĐ-UBND ngày 28/6/2025)

Đơn vị tính: Triệu đồng

S TT	Tên đơn vị	Dự toán đã phân bố (Theo các QĐ số 130/QĐ- SGDDT ngày 09/01/20 25; số 142/QĐ- SGDDT ngày 18/4/202 5; số 253/QĐ- SGDDT ngày 20/5/2025	Trong đó																		Dự toán đã phân bố (Theo các QĐ số 182/Q Đ- SGDDT T ngày 24/4/20 25 của Sở Giáo dục và Đào tạo	Trong đó	
			Cấp bù miễn giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập, hỗ trợ học phí, chế độ học sinh bản trú	Chế độ học sinh dân tộc nội trú, hỗ trợ nhà giáo theo VBHN số 27/VBH N- BGDDT	Chế độ giáo viên học sinh khuyết tật	Khen thường các kỳ thi	Khen thường toàn ngành	Hoạt động	Chín h sách thu hút sinh viên tốt nghị ệp xuất sắc, cán bộ khoa học trẻ	Bổ sung 15% kinh 21 /NQ- HĐN D ngày 09/12/ 2021	Thực hiện 63/20 21 /NQ- HĐN D ngày 09/12/ 2021	Sửa chữa, bảo trì TX tài sản, CSVC, mua sắm bổ sung, thay thế TB bị phục vụ dạy và học cho trường, lớp học	Sửa chữa , bảo đường tài sản công	Mua sắm thiết bị theo chương trình giáo dục phổ thông mới	Mua sắm bổ sung trang thiết bị	Quy tiền thường theo NĐ 73/202 4/NĐ- CP	Hỗ trợ học phí kỳ II năm học 2024- 2025th eo NQ 42/202 4/NQ- HĐND	Hội đồng coi thi chọn học sinh giỏi cấp tỉnh THPT năm 2025	Hỗ trợ cán bộ , viên chức, người lao động theo Nghị quyết số 25/202 3/NQ- HĐND	Kinh phí thực hiện hợp đồng phục vụ theo Nghị định 111/20 22/NĐ- CP		Kinh phí thực hiện hợp đồng chuyên môn nghiep vu động theo Nghị định 111/20 22/NĐ- CP	Kinh phí thực hiện hợp đồng chuyên môn nghiep vu động theo Nghị định 111/20 22/NĐ- CP
			1=2+.20	2	3	4	5	6	7	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19		20	21=22 +23
	Tổng cộng	250.268	36.040, 278	24.336	10.091	8.004	4.012	23.552, 722	66	8.221	12.402	5.533	30.103	29.986	1.184	22.171	27.063	627	4.428	2.448	20.402	11.495	8.907
1	Trường THPT Bạch Đặng	3.403	26		425					244				1.218		716	774				506	203	303
2	Trường THPT Bãi Cháy	7.428	61		590					277		250	3.141	1.329	53	830	897				550	338	212
3	Trường THPT Cẩm Phá	3.585	100		800					304				399		918	1.013	51			859	406	453
4	Trường THPT Cửa Ổng	6.036	806		245					149		250	3.340	455		392	399				598	406	192

5	Trường THPT Đông Thánh	3.348	23		453				175		250	1.094	201		549	514	89			515	203	312
6	Trường THPT Đông Triều	3.402	47		550				244		250		829		705	777				466	203	263
7	Trường THPT Hoàng Hoa Thám	3.059	35		145				184		250	727	578		510	554	76			399	203	196
8	Trường THPT Hoàng Quốc Việt	3.802	35		382				231		250		1.517		658	729				754	270	484
9	Trường THPT Hoàng Văn Thụ	1.692	30		206				172				353		438	493				540	406	134
10	Trường THPT Hoành Bồ	3.785	421		280				205		250	1.120	265		585	659				245		245
11	Trường THPT Hòn Gai	6.759	93		901				360		250		2.972		1.055	1.128				1.151	473	678
12	Trường THPT Lê Chân	1.923	33		274				201			97	497		575	246				596	406	190
13	Trường THPT Lê Hồng Phong	1.909	28		137				149		240		534		402	419				559	473	86
14	Trường THPT Lê Quý Đôn	4.140	875		297				175		230	747	803		512	501				308	203	105
15	Trường THPT Lý Thường Kiệt	1.660	37		152				176		90		671		370	164				613	406	207
16	Trường THPT Minh Hà	3.115	30		200				277		250	657	696		709	296				622	203	419
17	Trường THPT Mông Dương	3.420	1.038		216				149		124	588	497		403	405				493	338	155

18	Trường THPT Ngô Quyền	4.243	86		576				208		250		1.836		576	635	76			548	338	210
19	Trường PT DTNT THCS và THPT Tỉnh	15.658	196	12.797					162		250		382		499	244			1.128	270	270	
20	Trường THPT Chuyên Hạ Long	26.920	20						439	12.402	250	9.715	1.834		1.329	840	91			1.422	947	475
21	Trường THPT Trần Phú	4.030	1.115		369				274				488		813	918	53			260		260
22	Trường THPT Uông Bí	3.154	78		452				274				485		827	946	92			508		508
23	Trường THPT Vũ Văn Hiếu	2.356	39		178				172		250		739		480	498				472	270	202
24	Trung tâm HN & GDTX Tỉnh	1.487	24						156		250		652		314	91				301		301
25	Trường THPT Đầm Hả	1.826	437		164				279				234		612	100				681	406	275
26	Trường THCS & THPT Đường Hoa Cương	3.166	1.528		110				183		176		594		426	149				492	338	154
27	Trường THCS & THPT Hải Đông	1.969	376		277				266		173		362		438	77				613	473	140
28	Trường THPT Quảng Hà	3.164	375		95				257				1.588		581	268				614	338	276
29	Trường THPT Tiên Yên	4.416	1.592		460				293				996		760	267	48			895	541	354

30	Trường PT DTNT THCS & THPT Tiên Yên	16.044	70	11.539					176			1.631	264	894	422	87			961	203	203	
31	Trường THPT Ba Chẽ	4.028	2.851		79				202				423		407	66				586	338	248
32	Trường THPT Bình Liêu	3.438	1.206		204				189		250		1.122		410	57				563	406	157
33	Trường THPT Cô Tô	6.060	322		38				126			3.524	337		273	60		1.380		281	203	78
34	Trường THCS & THPT Hoành Mô	7.079	3.093		313				252		250		1.257		486	60		1.368		368	270	98
35	Trường THCS & THPT Quan Lạn	7.343	976		88				185			3.722	243		353	96		1.680		346	270	76
36	Trường THCS & THPT Quảng La	2.431	258		145				212		250		840	237	432	57				480	338	142
37	Trường THPT Hải Đào	4.848	1.424		290				244		250		1.496		787	306	51			725	406	319
38	Cơ quan Sở Giáo dục và Đào tạo	64.142	16.256, 278			8.004	4.012	23.552, 722	66						619	11.273			359	0		